



Số: 04/2022/TTĐH-HĐQT-BCG

TỜ TRÌNH*V/v: **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 đã kiểm toán*****Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Bamboo Capital**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bamboo Capital được Hội đồng quản trị thông qua ngày 24/01/2022 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ngày 15/05/2021 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 15);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Bamboo Capital đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bamboo Capital kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định của Nhà nước với một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau:

1. Báo cáo tài chính 2021 hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản	37.689.325.905.725
1	Tài sản ngắn hạn	16.238.689.244.477
2	Tài sản dài hạn	21.450.636.661.248
II	Nguồn vốn	37.689.325.905.725
1	Nợ phải trả	29.339.761.323.132
2	Vốn chủ sở hữu; trong đó:	8.349.564.582.593

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.975.371.740.000
2.2	Thặng dư vốn cổ phần	(233.004.000)
2.3	Vốn khác của chủ sở hữu	21.404.860.000
2.4	Quỹ đầu tư phát triển	3.908.270.221
2.5	Quỹ khác thuộc vốn CSH	463.478.572
2.6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	571.767.743.807
3	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.618.253.996.316
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.346.063.057.042
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.277.354.799.204
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.265.958.846.434
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.342.632.216
7.1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	608.930.201.135
7.2	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	391.412.431.081

2. Báo cáo tài chính 2021 riêng lẻ:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
I	Tổng tài sản	5.955.319.270.403
1	Tài sản ngắn hạn	196.834.622.237
2	Tài sản dài hạn	5.758.484.648.166
II	Nguồn vốn	5.955.319.270.403
1	Nợ phải trả	2.841.116.446.532
2	Vốn chủ sở hữu; trong đó:	3.114.202.823.871
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.975.371.740.000

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
2.2	Thặng dư vốn cổ phần	(233.004.000)
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	139.064.087.871
3	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.208.789.705
4	Doanh thu hoạt động tài chính	192.459.849.768
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	95.501.628.148
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.304.779.749
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	94.021.553.206

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

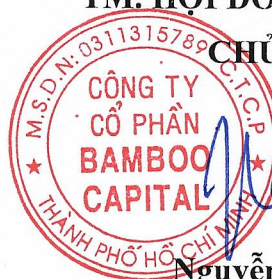
Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu: BKS, VP. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồ Nam

